TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/DS-PT
Ngày 25-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Bà Phan Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Tấn Bảo N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2024: Bà Trần Thị Bé Q, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Năm 2021, ông Hồ Tấn Bảo N (sau đây gọi tắt là ông N) vay 145.000.000đ của bà T; bà T chuyển tiền vào tài khoản của ông N số

070120276350 mở tại Ngân hàng TMCP S. Sau đó, ông N vay thêm 15.000.000đ của bà T, bà T giao tiền cho ông N trực tiếp nhận. Tổng cộng là 160.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng; ông N lập biên nhận và ký tên. Sau khi vay, ông N trả lãi được 4.500.000đ thì ngưng trả đến nay.

Nay bà T yêu cầu ông N trả 160.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Ngày 01/6/2023, bà T rút một phần khởi kiện về số tiền 115.000.000đ, yêu cầu ông N trả 45.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2023 và ngày 16/4/2024, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên khởi kiện ban đầu là yêu cầu ông N trả vốn 160.000.000đ.

Ngày 03/5/2024, bà T rút một phần khởi kiện về số tiền 11.700.000đ; yêu cầu ông N trả 148.300.000đ (theo chứng cứ ông N có nhận tiền), không yêu cầu trả lãi.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn ông N trình bày:

Năm 2018, ông N có vay 45.000.000đ của bà T; nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông N 02 lần 45.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, ông N trả lãi đến tháng 5/2021; sau dịch Covid-19, ông N trả lãi cho bà T thêm 01 tháng thì ngưng trả lãi đến nay nhưng ông N không có tài liệu, chứng cứ về việc trả lãi.

Nay ông N thừa nhận có nợ bà T vốn 45.000.000đ và nợ tiền lãi từ tháng 5/2021 đến nay.

Ông N không thừa nhận nợ bà T số tiền 160.000.000đ như bà T trình bày. Đối với tờ biên nhận do bà T cung cấp, không phải chữ viết và chữ ký của ông N.

Đối với Kết luận giám định số 147/KL-KTHS(TL-GT) ngày 20/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh A, ông N không thống nhất nhưng ông N không yêu cầu giám định lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 (sau đây gọi tắt là ông T1) trình bày: Ông T1 là chồng của bà T; ông T1 thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu ông N trả số tiền 11.700.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Buộc ông N phải trả cho bà T số tiền 148.300.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/5/2024, ông N kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Bà T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông N và người đại diện của ông N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Ông N kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp là tờ biên nhận có chữ ký mang tên ông N, với nội dung: *"Mượn tổng cộng 145.000.000đ, tôi hứa sẽ trả đầy đủ, tôi thiếu thêm 15.000.000đ"*. Theo Kết luận giám định số: 147/KL-KTHS (TL-GT) ngày 20/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh A kết luận chữ ký tại tờ biên nhận (do bà T giao nộp) là chữ ký của ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và người đại diện của ông N thừa nhận chữ ký của ông N tại tờ biên nhận do bà T giao nộp.

Ngân hàng TMCP S cung cấp tài liệu chứng cứ về bảng sao kê tài khoản của ông N mở tại Ngân hàng TMCP S, đã ghi nhận bà T có chuyển vào số tài khoản của ông N tổng số tiền là 148.300.000đ và ông N đã nhận 148.300.000đ (do bà T chuyển).

Ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản đối một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 148.300.000đ là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92,

Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N có đơn xin miễn, giảm án phí đề ngày 30/5/2024 với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, lý do của ông N không thuộc trường hợp được miễn hoặc giảm án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông N về yêu cầu miễn, giảm án phí.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N và ông N không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; ông N phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tấn Bảo N.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị T về yêu cầu bị đơn ông Hồ Tấn Bảo N trả số tiền 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị T.

- Buộc ông Hồ Tấn Bảo N có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị T số tiền 148.300.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Bà Đào Thị T tự nguyện chịu chi phí giám định là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bà Đào Thị T đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hồ Tấn Bảo N phải chịu 7.415.000đ (bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Bà Đào Thị T được nhận lại tạm ứng án phí 4.000.000đ (bốn triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0007265 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Tấn Bảo N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008086 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ